

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 346/2025/DS-PT

Ngày: 17 - 9 - 2025

V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế,
tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa;

Ông Trần Văn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 658/2025/TLPT-DS ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế, tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 406/2025/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lư Văn T (chết ngày 28/6/2025)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lư Văn T:

1.1 Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1965; (vắng mặt)

1.2 Bà Lư Thị Bé H1, sinh năm 1986; (có mặt)

1.3 Bà Lư Thị Bé T2, sinh năm 1993; (có mặt)

Cùng cư trú: ấp B, xã B, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà T1, bà H1, bà T2: Luật sư Nguyễn Duy T3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ và Luật sư Nguyễn Thành T4 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: 1 N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Luật sư T4 có mặt, Luật sư T3 vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lư Thành Đ, sinh năm 1954; địa chỉ cư trú: Số F, tổ A, ấp B,

xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã B, tỉnh An Giang). (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1958 (vợ ông Đ); (có mặt)

3.2. Bà Lư Thị Bé P, sinh năm 1997 (con ông Đ); (có mặt)

3.3. Bà Lư Thị Yến N, sinh năm 2000 (con ông Đ); (có mặt)

3.4. Cháu Tôn Lư Nhật P1, sinh năm 2020 (con bà Lư Thị Yến N) do bà Lư Thị Yến N là người đại diện theo pháp luật;

Cùng địa chỉ cư trú: Số F, tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã B, tỉnh An Giang).

3.5. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang (Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B); địa chỉ: Quốc lộ I, B, xã B, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Tấn H3, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B. (xin xét xử vắng mặt)

3.6. Bà Lư Thị Bé H4, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Số C, tổ I, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã B, tỉnh An Giang). (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà H4: Ông Nguyễn Thanh H5, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: C, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường L, tỉnh An Giang). (vắng mặt)

3.7. Ông Lư Thành T5, sinh năm 1940 (chết năm 2018).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Lư Thành T5 gồm có:

3.7.1. Nguyễn Thị D, sinh năm 1939; địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã B, tỉnh An Giang). (vắng mặt)

3.7.2. Lư Thị Bích N1, sinh năm 1982; (vắng mặt)

3.7.3. Lư Thị Ngọc B, sinh năm 1984; (vắng mặt)

3.7.4. Lư Văn N2, sinh năm 1986; (vắng mặt)

3.7.5. Lư Văn G, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông G : Ông Phan Văn B1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp M, xã M, tỉnh An Giang. (có mặt)

3.7.6. Lư Thị Mai T6, sinh năm 1993; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã B, tỉnh An Giang).

3.8. Bà Lư Thị L, sinh năm 1951 (chết năm 2020)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Lư Thị L gồm có:

3.8.1. Ông Châu Văn C, sinh năm 1961; (vắng mặt)

3.8.2. Ông Châu Văn B2, sinh năm 1994; (vắng mặt)

3.8.3. Ông Châu Văn V, sinh năm 1995; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Số D, tổ A, ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã N, tỉnh An Giang).

3.9. Người thừa kế của bà Lư Thị M (chết năm 2001) gồm có chồng và con:

3.9.1. Ông Trần Văn P2, sinh năm 1970 (chồng bà M); địa chỉ cư trú: Số E, tổ A, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang). (vắng mặt)

3.9.2. Bà Trần Thị Thùy D1, sinh năm 1996 (chết năm 2018) có người kế thừa là ông Trần Văn P2.

3.10. Người thừa kế của bà Lư Kiều D2 (chết năm 2012) gồm có chồng và các con:

3.10.1. Ông Lê Quang M1, sinh năm 1950 (chồng bà D2) (chết năm 2019) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Lê Thị Kiều H6, Lê Thị Kiều N3, Lê Thị Kiều L1 và Lê Quang N4.

3.10.2. Bà Lê Thị Kiều H6, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Số C, tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã B, tỉnh An Giang). (vắng mặt)

3.10.3. Bà Lê Thị Kiều N3, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Số C, tổ A, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang). (vắng mặt)

3.10.4. Bà Lê Thị Kiều L1, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã B, tỉnh An Giang). (vắng mặt)

3.10.5. Ông Lê Quang N4, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã B, tỉnh An Giang). (vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lê Thị Kiều H6, Lê Thị Kiều N3, Lê Thị Kiều L1: Ông Lê Quang N4, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã B, tỉnh An Giang). (vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Lư Văn T, bà Lư Thị bé H4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Thanh H5 là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lư Văn T trình bày:

Cha mẹ của ông T là ông Lư Văn L2 (chết ngày 22/11/2006) và bà Dương Thị L3 (chết ngày 20/7/2014). Cụ L2, cụ L3 có 08 người con, gồm:

1/. Lư Thành T5 (chết 2018), có những người thừa kế là: Vợ Nguyễn Thị D và các con Lư Thị Bích N1, Lư Thị Ngọc B, Lư Văn N2, Lư Văn G, Lư Thị Mai T6;

2/. Lư Thành Đ, sinh 1954;

3/. Lư Thị Kiều D2 (sinh 1956, chết 2012), thừa kế của bà D2 gồm: Chồng Lê Quang M1 (sinh 1950, chết 2018) và các con Lê Thị Kiều H6, Lê Thị Kiều N3, Lê Thị Kiều L1, Lê Quang N4;

4/. Lư Thị L (chết 2020), thừa kế của bà L gồm: Chồng Châu Văn C và các con Châu Văn B2, Châu Văn V;

5/. Lư Thị M (Sinh 1963, chết 2001), thừa kế của bà M gồm: Chồng Trần Văn P2 và con Trần Thị Thùy D1 (sinh 1996, chết 2018);

6/. Lư Văn T, sinh 1964;

7/. Lư Văn L4 (Sinh 1966, chết 1991, không có vợ con);

8/. Lư Thị Bé H4, sinh 1971.

Ông L2 và bà L3 chết có để lại 2 tờ di chúc là di chúc lập ngày 14/9/2002 và di chúc năm 2003 để định đoạt di sản gồm nhà đất như sau:

1/. Diện tích 3960m² (thực đo 3995,3m² theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 15/11/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 là diện tích tăng 35,3m² nguyên

nhân tăng là do xác định lại ranh trong quá trình sử dụng so với bản đồ 22/CT.UB) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03323 QSDđ/aF được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20/4/1994 cho ông Lư Văn L2, loại đất CLN, thửa đất số 6733, tờ bản đồ số 5; trên đất có căn nhà của ông L2 và bà L3 và căn nhà của ông Đ; đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là *thửa đất số 1*).

2/. Diện tích 9765m² (thực đo là 9587m², theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 15/11/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 là diện tích giảm 178m² nguyên nhân giảm là do xác định lại ranh trong quá trình sử dụng so với bản đồ 22/CT.UB) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00158 QSDđ/aF được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20/5/1991 cho ông Lư Văn L2, loại đất LUC, thửa đất số 617, 5659, 5660, 5661, 5662, 6700, tờ bản đồ số 5; đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là *thửa đất số 2*).

Nội dung tờ di chúc ngày 14/9/2002 là để lại cho ông T một căn nhà ngói bằng thao lao (5m x 15m) và những đồ đạc bên trong như: 05 cái tủ, 05 cái giường, 02 cái đi văng, 02 cái bàn. Và diện tích đất thổ cư có căn nhà nêu trên, kích thước 15m x 120m (1800m²).

Di chúc này được ông Phan Minh K là trưởng ấp B, xã B chứng thật ngày 16/9/2002 và được chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B chứng thực vào ngày 16/9/2002.

Nội dung tờ di chúc năm 2003 là để lại cho Lư Thị Bé H4, Lư Văn T, Lư Kiều D2, Lư Thành Đ mỗi người 2150m² đất ruộng; riêng ông T và bà H4 mỗi người được thêm 15m x 120m (1800m² đất vườn). Tờ di chúc này được ông L2, bà L3 lăn tay và ký tên, được ông Phan Minh K trưởng ấp B, xã B chứng thật ngày 12/01/2003 và được chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B chứng thực vào ngày 13/1/2003.

Nhà, đất của cụ L2, cụ L3 hiện nay do ông Đ đang quản lý. Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Yêu cầu được công nhận 2 tờ di chúc nêu trên hợp pháp.
- Yêu cầu ông Đ phải chia cho ông T ngang 15m x dài 120m, trên đất có căn nhà (ngang 5m x dài 15m) lợp ngói, gỗ thau lau và các vật dụng 05 cái tủ, 05 cái giường, 02 cái đi văng, 02 cái bàn thuộc “thửa đất số 1”.
- Yêu cầu ông Đ chia cho ông T diện tích đất 2150m² thuộc “thửa đất số 2”.

Ngày 03/6/2024, ông T rút một phần yêu cầu, cụ thể: không yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà và các vật dụng như tủ, giường, đi văng, bàn. Chỉ yêu cầu công nhận các di chúc của ông L2, bà L3 là hợp pháp; yêu cầu nhận thừa kế di sản của cha mẹ để lại là 2150m² đất ruộng và 1800m² đất vườn tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu nhận thừa kế bằng giá trị, giao hiện vật cho ông Đ do ông Đ đã trồng nhiều cây trồng trên đất, và trên đất còn tồn tại những ngôi mộ của ông, bà, cha, mẹ.

Bị đơn ông Lư Thành Đ trình bày: Thống nhất về việc cụ L2, cụ L3 có 8 người con như ông T trình bày.

Ông cho rằng 2 tờ di chúc năm 2002 và 2003 là không hợp pháp vì ông không biết hai tờ di chúc này. Đất ông T yêu cầu ông đã đổi với cha mẹ từ 1977 và 1994. Cụ thể, năm 1977 cụ L3 có lấy đất vườn của cụ L2, cụ L3 để đổi đất vườn của ông

đem bán để lấy tiền trị bệnh. Năm 1994 cụ L3 đã lấy đất ruộng của ông đổi cho cụ L3, rồi lấy phần đó cho Bé H4, nên Bé H4 đã được chia rồi. Năm 1985 ông T được cụ L3 cho 100 gia lúa và cụ L3 đã khẳng định đã chia cho ông T không được quyền ngăn cản gì trong nhà này nữa, cụ L2 và cụ L3 không chu cấp nữa. Ông có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Yêu cầu tòa án xác định toàn bộ số đất là của ông vì đã được trao đổi với cha mẹ từ 1977, 1994. Trên đất có 2 căn nhà, cây cối, mồ mả ba mẹ và anh chị em ruột, đất ruộng thì đang cho mượn, nhưng 01 căn của mẹ thì đã hư mục chỉ còn bộ lư và cái li văng ông đang giữ vì đó là của ông, mẹ trả lại cho ông lúc còn sống. Căn nhà còn lại thì gia đình ông đang ở từ năm 1994 đến nay.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận của cha mẹ vì đã thuộc đất của ông.

Quá trình làm việc và tại phiên tòa ông thừa nhận cây trồng lâu năm trên đất hiện nay là của ông, nếu xác định đất này của ông T, bà H4 thì ông không yêu cầu bồi thường về giá trị cây trồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lư Thị Bé H4 trình bày: Thống nhất về việc cha mẹ là cụ L2 và cụ L3 có 8 người con như ông T trình bày; thống nhất về di sản của cụ L2 và cụ L3 để lại và thống nhất việc cụ L2, cụ L3 để lại di chúc như ông T trình bày, bà có yêu cầu độc lập là được nhận di sản thừa kế là 1800m² đất thuộc “thửa đất số 1”; và 2150m² đất thuộc “thửa đất số 2”. Tại phiên tòa, bà H4 yêu cầu được nhận giá trị đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2 và bà Lư Thị Yến N, Lư Thị Yến P3 (vợ và con của ông Đ, là những người sống trên đất): Thống nhất với trình bày của ông Đ, không đồng ý với yêu cầu của ông T và bà H4.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện C có ý kiến: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L2 và bà L3 là đúng trình tự thủ tục. Xin vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 5, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 655, Điều 656, Điều 561 của Bộ luật Dân sự năm 1995;

- Khoản 1 Điều 26 và khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/. Đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông Lư Văn T về việc yêu cầu chia thừa kế là căn nhà (có kích thước 5m x 15m lợp ngói, gỗ thao lau) của ông Lư Văn L2 và bà Dương Thị L3 và các vật dụng khác như tủ, giường, đi văng, bàn.

2/. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lư Văn T, bà Lư Thị Bé H4 về việc công nhận di chúc ngày 14/9/2002 và di chúc năm 2003 của ông L2, bà L3 là hợp pháp.

3/. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lư Thành Đ về việc hủy giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Lư Văn L2 và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1, thửa đất số 2 là của ông.

4/. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông Lư Văn T, và yêu cầu độc lập của bà Lư Thị Bé H4 về việc chia di sản thừa kế của cụ Lư Văn L2, cụ Dương Thị L3.

5/. Phân chia di sản của cụ Lư Văn L2, cụ Dương Thị L3 theo pháp luật:

- Xác định di sản của cụ L2, cụ L3 là quyền sử dụng đối với diện tích 3960m² (thực đo 3995,3m² tại các mốc điểm 47, 17, 18, 19, 20, 24, 25, 26, 27, 55, 54, 47 theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 15/11/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C1) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03323 QSDđ/aF do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20/4/1994 cho ông Lư Văn L2, loại đất CLN, thửa đất số 6733, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang và diện tích 9765m² (thực đo là 9587m² tại các mốc điểm 19, 18, 21, 22, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 19 theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 15/11/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C1) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00158 QSDđ/aF do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20/5/1991 cho ông Lư Văn L2, loại đất LUC, thửa đất số 617, 5659, 5660, 5661, 5662, 6700, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Tổng trị giá di sản là 1.269.704.000đ.

- Di sản được chia là 8 phần, mỗi kỷ phần là (381.708.250đ + 887.995.875đ) : 8 = 158.713.000đ (một trăm năm mươi tám triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng).

+ Ông Lư Văn T, bà Lư Thị Bé H4 mỗi người được hưởng 1 kỷ phần trị giá: 158.713.000đ (một trăm năm mươi tám triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng) do ông Lư Thành Đ hoàn lại.

+ Ông Lư Thành Đ được hưởng 2 phần: trị giá 317.426.000đ (ba trăm mười bảy triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

+ Ông Lư Thành T5 được hưởng 1 phần trị giá 158.713.000đ (một trăm năm mươi tám triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng). Ông T5 đã chết năm 2018 (sau cụ L2, cụ L3) nên phần thừa kế của ông T5 do các đồng thừa kế của ông T5 là Nguyễn Thị D, Lư Thị Bích N1, Lư Thị Ngọc B, Lư Văn N2, Lư Văn G, Lư Thị Mai T6 nhận. Do ông Lư Thành Đ hoàn lại.

+ Bà Lư Thị L được hưởng 1 phần trị giá 158.713.000đ (một trăm năm mươi tám triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng). Bà L đã chết năm 2020 (sau cụ L2, cụ L3) nên phần thừa kế của bà L do những người thừa kế của bà L là Châu Văn C, Châu Văn B2, Châu Văn V nhận. Do ông Lư Thành Đ hoàn lại.

+ Bà Lư Thị M (chết trước cụ L2 và cụ L3) nên người thừa kế thế vị là Trần Thị Thùy D1 được hưởng 1 phần trị giá 158.713.000đ (một trăm năm mươi tám triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng). Bà Trần Thị Thùy D1 chết năm 2018 nên phần thừa kế của bà D1 sẽ do ông Trần Văn P2 (cha bà D1) nhận. Do ông Lư Thành Đ hoàn lại.

+ Bà Lư Kiều D2 chết năm 2012 (chết sau cụ L2, và chết trước cụ L3) nên phần di sản của cụ L2 thì bà D2 được hưởng, phần di sản của cụ L3 thì những người thừa kế thế vị của bà D2 được hưởng, chồng và con của bà D2 là ông Lê Quang M1,

bà Lê Thị Kiều H6, Lê Thị Kiều N3, Lê Thị Kiều L1, Lê Quang N4. Ông Lê Quang M1 chết năm 2019 nên phần thừa kế của bà D2 do các con của bà D2 và ông M1 là Lê Thị Kiều H6, Lê Thị Kiều N3, Lê Thị Kiều L1, Lê Quang N4 nhận 1 kỷ phần trị giá 158.713.000đ (một trăm năm mươi tám triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng). Do ông Lư Thành Đ hoàn lại.

+ Ông Lư Thành Đ được hưởng hiện vật là các quyền sử dụng đất đối với diện tích 3960m² (thực đo 3995,3m² theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 15/11/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C1) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03323 QSDđ/aF do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20/4/1994 cho ông Lư Văn L2, loại đất CLN, thửa đất số 6733, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang và diện tích 9765m² (thực đo là 9587m², theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 15/11/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C1) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00158 QSDđ/aF do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 20/5/1991 cho ông Lư Văn L2, loại đất LUC, thửa đất số 617, 5659, 5660, 5661, 5662, 6700, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Ông Lư Thành Đ có nghĩa vụ hoàn các phần hưởng cho những người thừa kế khác như đã nêu trên. Ông Đ được quyền sử dụng đối với các thửa đất trên và đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

(Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 15/11/2024 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 là một phần của bản án)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/02/2025, nguyên đơn ông Lư Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lư Thị Bé H4 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận di chúc của cụ L2 và cụ L3; chia thừa kế theo di chúc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lư Thị Bé H4 trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chia thừa kế theo di chúc.

Luật sư Nguyễn Thành T4 bảo vệ cho nguyên đơn trình bày: Tờ di chúc năm 2003 thể hiện ý chí chia thừa kế theo di chúc là thật, nhưng vì thiếu hiểu biết về pháp luật nên trong di chúc không thể hiện được diện tích, vị trí đất, tuy nhiên các đương sự trong vụ án đều thống nhất chỉ có 2 diện tích đất như cấp sơ thẩm đã làm rõ. Tờ di chúc thứ 2 rõ ràng hơn vì có liệt kê cả căn nhà ngôi, diện tích, đối chiếu với biên bản thẩm định tại chỗ đúng thực tế, đủ điều kiện tách thửa theo quy định tại địa phương. Pháp luật hiện hành không bắt buộc người viết di chúc phải ký vào di chúc. Sự sai lệch về ngày tháng, bà H1 là người lập di chúc theo ý chí của 2 cụ vào ngày thứ 7 thì đến thứ 2 mới ký chứng thực được, việc chứng thực được thực hiện đúng quy định và có lời chứng của Chủ tịch xã, nếu bị đơn cho rằng di chúc không hợp lệ thì phải chứng minh hoặc có xác nhận của UBND xã B về việc không chứng kiến 2 cụ ký trước mặt. Về đóng dấu giáp lai, không có quy định phải giáp lai, di chúc chỉ có 1 trang, chỉ chứng thực có đúng là người có yêu cầu ký trước mặt ủy ban. Khi lập di chúc thì các cụ có đi khám sức khỏe để chứng minh đủ điều kiện lập di chúc, không có dấu hiệu bị lừa dối, đe dọa khi lập di chúc. Ông T là người

cùng cha mẹ nhận chuyển nhượng diện tích đất này, ông Đ không có đóng góp công sức gì đối với di sản.

- Bị đơn trình bày: Di chúc không phải là thật.

- Bà Lư Thị Yến N trình bày: Nguyên đơn cho rằng di chúc năm 2002 do bà H1 lập nhưng tại cấp sơ thẩm thì ông T và bà H4 đều thừa nhận cả 2 di chúc đều do ông H7 viết; di chúc ghi nhận sai năm sinh của bà L3, bà L3 sinh năm 1923 nhưng di chúc ghi nhận năm 1913. Khi lập di chúc này thì không có ai biết, năm 2002 khi đó bà H1 mới 16 tuổi, đề nghị không công nhận di chúc.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định pháp luật.

- Về nội dung: Về hình thức của 2 di chúc, cấp sơ thẩm cho rằng di chúc viết tay có chứng thực nhưng không có ngày tháng lập di chúc, về nội dung cũng không đảm bảo về thông tin thửa đất, diện tích, để lại đất cho ai, do đó 2 di chúc này không hợp pháp về hình thức, không rõ ràng về nội dung là có căn cứ nên chia di sản theo quy định pháp luật là đúng. Kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu công nhận di chúc và chia thừa kế theo di chúc là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lư Thị Bé H4 kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lư Văn T (có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị T1, bà Lư Thị Bé H1, bà Lư Thị Bé T2) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lư Thị Bé H4 nằm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các bên đương sự đều thống nhất xác định quyền sử dụng diện tích 3.960m² (thực đo 3995,3m²) và diện tích 9.765m² (thực đo là 9.587m²) tọa lạc tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang có nguồn gốc là của cụ Lư Văn L2 và cụ Dương Thị L3, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 1991, 1994. Cụ L2, cụ L3 có tất cả 08 người con như nguyên đơn ông Lư Văn T đã kê khai.

[2.2] Theo ông Lư Văn T và bà Lư Thị Bé H4 cho rằng thời điểm còn sống, cụ L2 và cụ L3 lập 02 tờ di chúc ngày 14/9/2002 và năm 2003 có nội dung chia cho ông T và bà H4 mỗi người được hưởng 2.150m² đất ruộng và 1.800m² đất thổ vườn.

Xét thấy, theo ông T, bà H4 02 tờ di chúc trên do ông H7 là người viết giùm tuy nhiên ông H7 không ký tên làm chứng trong tờ di chúc, hiện nay ông H7 đã chết nên không có cơ sở xác minh tính xác thực. Di chúc có chứng thực của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B nhưng thời điểm chứng thực mâu thuẫn với thời điểm được ghi

nhận trong di chúc; di chúc không được ký giáp lai giữa nội dung và phần chứng thực nên không đảm bảo tính chính xác về nội dung chứng thực. Về nội dung di chúc, không thể hiện chính xác vị trí, diện tích đất được chia; không thể hiện diện tích đất được chia nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào. Tòa án cấp sơ thẩm xác định 02 tờ di chúc do ông T, bà H4 cung cấp không đảm bảo hợp pháp về mặt hình thức theo quy định tại Điều 655, 661 của Bộ luật Dân sự năm 1995; đồng thời không đảm bảo các điều kiện về nội dung theo quy định tại Điều 655, 656 của Bộ luật Dân sự năm 1995; từ đó không chấp nhận yêu cầu của ông T, bà H4 về việc công nhận và chia thừa kế theo di chúc là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Về chia thừa kế theo pháp luật, ông Lư Thành Đ là người có công sức trong việc quản lý, giữ gìn di sản, hiện nay cũng là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng các phần đất trên; ông T, bà H4 cũng như các anh chị em khác không có nhu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật. Vì vậy, Tòa án giao hiện vật cho ông Đ tiếp tục quản lý, sử dụng; tính công sức quản lý, gìn giữ tài sản cho ông Đ tương ứng với 01 kỷ phần thừa kế; buộc ông Đ thanh toán giá trị phần di sản được hưởng cho các đồng thừa kế khác là đúng quy định pháp luật.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T, bà H4 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lư Văn T (có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị T1, bà Lư Thị Bé H1, bà Lư Thị Bé T2) và bà Lư Thị Bé H4 phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lư Văn T (có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị T1, bà Lư Thị Bé H1, bà Lư Thị Bé T2) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lư Thị Bé H4.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lư Văn T (có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị T1, bà Lư Thị Bé H1, bà Lư Thị Bé T2), bà Lư Thị Bé H4, mỗi người phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0000221, 0000222 cùng ngày 11/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang vào phần án phí phải chịu. Dương sự đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP.HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Đường sù (14);
- Lưu HSVA (2) VP(5) 26b LTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy